

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/DS-ST

Ngày: 07 - 4 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tập, bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 07/4/2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 717/2022/TLST-DS ngày 16/12/2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-DS ngày 01/3/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị N (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn Q (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà B, hẻm C, đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Bà Vũ Thị N kinh doanh các loại phân bón và đường cát trắng tại huyện K, tỉnh Đắk Nông. Do ông Bùi Văn Q làm rẫy tại huyện K, nên bà N nhiều lần bán đường, phân bón cho ông Bùi Văn Q và cho ông Q nợ tiền mua hàng hóa, cụ thể như sau:

- Ngày 13/02/2017: 22.185.000 đồng;

- Ngày 14/7/2017: 7.962.000 đồng;

- Ngày 12/3/2018: 3.837.000 đồng;

- Ngày 28/5/2018: 12.096.000 đồng;

- Ngày 28/7/2018: 8.970.000 đồng;

- Ngày 04/10/2018: 4.798.000 đồng;

- Ngày 30/5/2019: 7.390.000 đồng;
- Ngày 31/7/2019: 4.480.000 đồng;
- Ngày 22/9/2019: 4.320.000 đồng.

Tổng số tiền phân bón và mặt hàng khác ông Bùi Văn Q mua nhưng chưa thanh toán cho nguyên đơn là: 76.038.000 đồng.

Vì vậy, bà Vũ Thị N khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn Q phải trả số tiền nợ gốc 76.038.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (16/12/2022) cho đến ngày xét xử sơ thẩm (07/4/2023).

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn giao nộp cho Tòa án hóa đơn bán hàng (viết bằng tay, trên tờ giấy học sinh) có chữ ký, chữ viết mang tên “Bùi Văn Q” dưới mục số tiền mua hàng.

2. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2023, bị đơn trình bày:

Trong các năm 2017 và 2018, ông Bùi Văn Q nhiều lần mua các mặt hàng gồm đường, phân bón của bà Vũ Thị N. Tuy nhiên, sau khi mua hàng ông Q đều trả tiền ngay cho bà N, mỗi lần trả tiền ông Q yêu cầu bà N gạch sổ nhưng bà N không thực hiện. Đến nay bà Vũ Thị N tổng hợp các khoản tiền mua hàng trong sổ và yêu cầu ông Q trả là không đúng.

Bị đơn xác định chữ ký, chữ viết ghi tên “Bùi Văn Q” tại các hóa đơn bán hàng mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án là của ông Bùi Văn Q, gồm có:

- Văn bản ghi ngày 30/5/2019 (mở đầu ghi “*Quý Thủy*”, kết thúc văn bản có chữ ký tên “*Quý*”, thể hiện số tiền tổng cộng 67.238.000 đồng);

- Chữ ký dưới dòng chữ “Ngày 31/7/2019 chú *Quý* lấy 8b Na uy x 560.000 = 4.480.000”;

- Chữ ký dưới dòng chữ “22/9/2019 chú *Quý* lấy 8b DT vàng x 540.000 = 4.320.000”.

Các văn bản nêu trên là hóa đơn của những lần ông Q mua phân bón và các mặt hàng khác của bà Vũ Thị N, nhưng sau khi mua hàng hóa ông Q đã thanh toán đầy đủ. Vì vậy, bị đơn xác định yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N. Quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Văn Q không giao nộp tài liệu, chứng cứ và không đồng ý ký tên vào các biên bản làm việc.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự; ông Bùi Văn Q vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Bùi Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do; đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Bùi Văn Q phải trả cho bà Vũ Thị N số tiền 76.038.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Bùi Văn Q, trú tại số nhà 36, hẻm 99 đường Nguyễn Văn Linh, thành phố Buôn Ma Thuột thanh toán số tiền 76.038.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ giao dịch mua bán tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Bùi Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn Q phải trả số tiền mua đường, phân bón còn nợ là 76.038.000 đồng, kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp tài liệu, chứng cứ là hóa đơn có chữ ký, chữ viết của ông Bùi Văn Q.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Văn Q thừa nhận có mua đường, phân bón của bà Vũ Thị N và ký xác nhận tại giấy tờ mua bán; ông Q cho rằng sau khi mua đã thanh toán tiền hàng cho bà Vũ Thị N nhưng không yêu cầu bà Vũ Thị N gạch sổ. Tuy nhiên, ông Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, đồng thời lời trình bày của bị đơn không được phía nguyên đơn thừa nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N là có căn cứ nên được chấp nhận, buộc ông Bùi Văn Q phải trả cho bà Vũ Thị N số tiền 76.038.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày thụ lý vụ án (16/12/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (07/4/2023) là 112 ngày, theo mức lãi suất 10%/năm, cụ thể:

Tiền lãi: $76.038.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 112 \text{ ngày} = 2.333.221 \text{ đồng}$ (làm tròn thành 2.333.000 đồng).

Như vậy, tổng số tiền ông Bùi Văn Q phải thanh toán cho bà Vũ Thị N: $76.038.000 \text{ đồng} + 2.333.000 \text{ đồng} = 78.371.000 \text{ đồng}$.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Vũ Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Bùi Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể: 78.371.000 đồng x 5% = 3.918.550 đồng (làm tròn thành 3.918.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 228, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị N.

Buộc ông Bùi Văn Q phải trả cho bà Vũ Thị N số tiền 78.371.000 đồng, trong đó tiền gốc là 76.038.000 đồng và 2.333.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; trường hợp không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Vũ Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Bùi Văn Q phải chịu 3.918.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng